HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16 /NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày 18 tháng 5 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng An toàn khu, vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 17/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng An toàn khu liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 28/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng An toàn khu, vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng An toàn khu, vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020, gồm những nội dung chính sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về lao động, đất đai, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản, cảnh quan du lịch, di tích lịch sử cách mạng để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; phục hồi tôn tạo di tích lịch sử cách mạng, văn hóa; phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo đảm cho phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nông thôn mới, phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh; giải quyết việc làm thực hiện giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân trong vùng An toàn khu, vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.

2. Mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đến năm 2020 đạt được các mục tiêu sau:

- Nâng cao thu nhập bình quân đầu người từ 23 triệu đồng năm 2016 lên 36 triệu đồng vào năm 2020 ở các xã đạt chuẩn nông thôn mới và nâng cao thu nhập cho các hộ dân đối với các địa bàn còn lại. Khuyến khích người dân trong vùng có thu nhập và làm giàu từ rừng.

- Xây dựng được 12 mô hình "Xóm phát triển bền vững".

- Đưa điện lưới quốc gia đến 100% xóm, bản trong vùng.

- Cơ bản hoàn thành hệ thống đường giao thông trong vùng, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân. Phấn đấu 100% đường giao thông trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và 60% đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo các cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải; 65% đường ngõ, xóm được cứng hóa và không lầy lội vào mùa mưa; 70% đường trục chính nội đồng được cứng hóa (bê tông hoặc các vật liệu khác theo quy định) đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện.

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm bình quân từ 3,5%/năm trở lên.

- Xây dựng hoàn thành trên 50% hồ chứa, đập thủy lợi nhỏ chưa được xây dựng; kiên cố hóa được trên 70% chiều dài số kênh mương nội đồng. Đáp ứng 75% - 80% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây trồng hằng năm.

- Có 80% xã An toàn khu, xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn y tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 95%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi ở mức dưới 14%.

- Nâng tỷ lệ dân số trong vùng được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh lên 90%.

- Đến năm 2020, có trên 70% số trường đạt chuẩn quốc gia; 70% xóm có nhà văn hóa đạt chuẩn nông thôn mới; 70 % số hộ gia đình đạt gia đình văn hóa.

II. PHẠM VI: Các xã An toàn khu; xã đặc biệt khó khăn; các thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

III. GIẢI PHÁP

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong phát triển kinh tế - xã hội vùng An toàn khu, vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách đầu tư cho vùng An toàn khu, vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; đa dạng hóa việc huy động các nguồn vốn đầu tư hợp pháp để thực hiện Chương trình; thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình, dự án, đề án trên địa bàn để nâng cao hiệu quả đầu tư chống lãng phí thất thoát, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở, đề xuất chính sách thu hút cán bộ là người dân tộc thiểu số, biết tiếng dân tộc về công tác tại các xã đặc biệt khó khăn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng; thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, chính sách dân tộc đối với vùng An toàn khu và vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá trong tổ chức thực hiện Chương trình.

IV. KINH PHÍ: Tổng kinh phí: 6.996.571,2 triệu đồng, trong đó:

1. Nguồn kinh phí đã được phê duyệt từ các chương trình, đề án, dự án ở các lĩnh vực đã được thông qua: 6.711.451,2 triệu đồng, cụ thể:

- Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, phát triển nông thôn: 1.969.444 triệu đồng.

- Lĩnh vực thông tin và truyền thông: 72.148,3 triệu đồng.

- Lĩnh vực giao thông vận tải: 3.013.178 triệu đồng.

- Lĩnh vực y tế: 76.000 triệu đồng.

- Lĩnh vực giáo dục: 540.711,9 triệu đồng.

- Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch: 759.100 triệu đồng.

- Lĩnh vực công thương: 207.959 triệu đồng.

- Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Đề án 2037): 72.910 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh cân đối từ nguồn vượt thu hàng năm và các nguồn vốn khác thực hiện đầu tư xây dựng mô hình và hạ tầng nông thôn: 285.120 triệu đồng, cụ thể:

- Xây dựng 12 mô hình "Xóm phát triển bền vững": 60.480 triệu đồng.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nông thôn: 224.640 triệu đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 18 tháng 5 năm 2017./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Ủy ban Dân tộc (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Uỷ ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh; UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Hòa